

Số: 3097/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 9 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng Giấy khen sinh viên tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 2093/QĐ-ĐHCT, ngày 17/08/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Điều 4 Quy định Quỹ học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng sinh viên, ban hành kèm theo Quyết định số 2062/QĐ-ĐHCT, ngày 29/12/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của ông (bà) Trưởng khoa Ngoại ngữ và ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

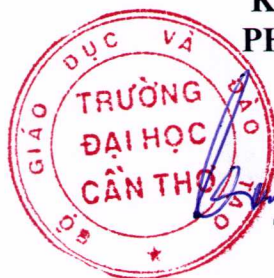
Điều 1. Nay tặng Giấy khen cho 125 sinh viên khóa 42 có tên sau đây thuộc Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Cần Thơ đạt thành tích sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp Giỏi toàn khóa học 2016 - 2020:

(Danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác Sinh viên, Tài chính, Đào tạo, Trưởng khoa Ngoại ngữ và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, CTSV.



**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN

(Kèm theo Quyết định số 3097/QĐ-ĐHCT, ngày 09/10/2020 của Hiệu trưởng)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
1	B1606335	Lê Ngọc Phụng	12/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,88	Xuất sắc	84	Tốt	
2	B1606345	Hà Ngọc Tiên	04/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,84	Xuất sắc	89	Tốt	
3	B1606322	Đặng Thị Mỹ Miều	21/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,77	Xuất sắc	84	Tốt	
4	B1606347	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/02/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,75	Xuất sắc	99	Xuất sắc	
5	B1606288	Trương Quốc Thắng	04/02/1998		Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,75	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
6	B1606299	Nguyễn Thị Mai Tươi	06/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,67	Xuất sắc	81	Tốt	
7	B1606186	Ngũ Thượng Thư	16/07/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,66	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
8	B1606338	Thạch Thị Srây Rọt	05/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,66	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
9	B1606243	Quách Ngọc Trân	13/12/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,66	Xuất sắc	80	Tốt	
10	B1606286	Lê Khắc Sinh	08/12/1998		Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,61	Xuất sắc	83	Tốt	
11	B1606192	Trịnh Mỹ Trinh	10/04/1997	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,6	Xuất sắc	83	Tốt	XT-Xét tuyển thẳng
12	B1606218	Cao Thị Thanh Ngân	19/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,59	Giỏi	86	Tốt	
13	B1606320	Tô Thị Mỹ Linh	21/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,56	Giỏi	84	Tốt	
14	B1606224	Nguyễn Huỳnh Thiên Nhi	28/12/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,53	Giỏi	82	Tốt	
15	B1606174	Nguyễn Hồng Nhung	13/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,53	Giỏi	81	Tốt	
16	B1606315	Đoàn Thị Hơ	06/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,47	Giỏi	84	Tốt	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
17	B1606172	Nguyễn Thị Khánh Nhi	09/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,47	Giỏi	80	Tốt	
18	B1606312	Lê Thị Minh Hạnh	26/03/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,46	Giỏi	81	Tốt	
19	B1606183	Nguyễn Trần Hoa Thiên	26/05/1997	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,46	Giỏi	80	Tốt	
20	B1606306	Nguyễn Thị Ngọc Châu	24/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,45	Giỏi	83	Tốt	
21	B1606187	La Thị Thủy Tiên	09/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,36	Giỏi	80	Tốt	
22	B1606167	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	28/09/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,32	Giỏi	84	Tốt	
23	B1606296	Trần Thị Bé Trân	15/01/1997	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,32	Giỏi	81	Tốt	
24	B1606188	Huỳnh Nguyễn Thiên Trang	08/02/1998	N	Ngôn ngữ Anh	Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh	42	3,29	Giỏi	80	Tốt	
25	B1606185	Huỳnh Trang Thư	22/02/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,78	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
26	B1606321	Nguyễn Hoàng Luân	31/01/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,78	Xuất sắc	86	Tốt	
27	B1606267	Phạm Thị Phương Linh	26/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,77	Xuất sắc	88	Tốt	
28	B1606301	Nguyễn Quốc Việt	21/07/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,75	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
29	B1606310	Trần Bình Dương	10/04/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,73	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
30	B1606264	Trần Tiến Hưng	22/07/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,71	Xuất sắc	84	Tốt	
31	B1606214	Nguyễn Phương Linh	09/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,68	Xuất sắc	83	Tốt	
32	B1606269	Trần Nhật Minh	15/04/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,67	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
33	B1606294	Lương Thị Thu Trang	22/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,67	Xuất sắc	89	Tốt	
34	B1606270	Trần Hoàng Nam	10/12/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,67	Xuất sắc	86	Tốt	
35	B1606202	Đặng Thanh Danh	06/02/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,66	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
36	B1606158	Trương Kim Như Huỳnh	29/04/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,65	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
37	B1606287	Nguyễn Thị Bé Thảo	10/06/1997	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,65	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
38	B1606307	Nguyễn Kiên Cường	26/02/1997		Ngôn ngữ Anh		42	3,64	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
39	B1606176	Lê Thị Phần	28/08/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,63	Xuất sắc	85	Tốt	
40	B1606200	Châu Gia Bảo	26/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,59	Giỏi	82	Tốt	
41	B1606240	Lê Thị Cẩm Tiên	02/07/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,56	Giỏi	86	Tốt	
42	B1606207	Nguyễn Ngọc Hân	29/09/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,56	Giỏi	80	Tốt	
43	B1606304	Lê Nguyễn Trâm Anh	10/09/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,53	Giỏi	85	Tốt	
44	B1606230	Nguyễn Thị Thảo Phương	27/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,52	Giỏi	82	Tốt	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
45	B1606318	Nguyễn Thị Tuyết Lan	09/05/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,49	Giỏi	87	Tốt	
46	B1606159	Mai Thị Thanh Hương	26/04/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,49	Giỏi	84	Tốt	
47	B1606336	Trương Ánh Phương	20/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,47	Giỏi	88	Tốt	
48	B1606194	Phan Ngọc Uyên	17/11/1997	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,46	Giỏi	86	Tốt	
49	B1606348	Ngô Bích Trân	07/12/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,45	Giỏi	81	Tốt	
50	B1606150	Nguyễn Nhật Duy	13/10/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,44	Giỏi	98	Xuất sắc	
51	B1606316	Nguyễn Nhật Anh Huy	02/11/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,44	Giỏi	89	Tốt	
52	B1606323	Trần Phương Nam	01/01/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,44	Giỏi	84	Tốt	
53	B1606247	Lê Thị Tường Vi	30/07/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,44	Giỏi	80	Tốt	
54	B1606314	Nguyễn Hữu Hiệu	21/10/1998		Ngôn ngữ Anh		42	3,41	Giỏi	81	Tốt	
55	B1606273	Tăng Tuyết Nghi	12/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,4	Giỏi	95	Xuất sắc	
56	B1606151	Võ Thị Mỹ Duyên	02/11/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,4	Giỏi	88	Tốt	
57	B1606168	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	21/12/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,4	Giỏi	82	Tốt	
58	B1606219	Phạm Thị Kim Ngân	03/05/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,39	Giỏi	90	Xuất sắc	
59	B1606209	Nguyễn Thị Hồng	07/11/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,39	Giỏi	87	Tốt	
60	B1606225	Trần Thị Cẩm Nhi	24/07/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,39	Giỏi	85	Tốt	
61	B1606326	Nguyễn Hữu Nghĩa	01/01/1997		Ngôn ngữ Anh		42	3,37	Giỏi	83	Tốt	
62	B1606147	Hà Khả Ái	13/12/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,35	Giỏi	86	Tốt	
63	B1606236	Hồ Mỹ Tho	03/09/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,34	Giỏi	92	Xuất sắc	
64	B1606220	Phùng Bảo Nghi	02/10/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,34	Giỏi	84	Tốt	
65	B1606266	Trần Da Lin	16/05/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,34	Giỏi	82	Tốt	
66	B1606205	Nguyễn Thị Hồng Diệp	04/06/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,34	Giỏi	81	Tốt	
67	B1606221	Nguyễn Thị Như Ngọc	27/07/1997	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,3	Giỏi	82	Tốt	XT-Xét tuyển thẳng
68	B1606181	Nguyễn Thị Thu Sương	13/05/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,28	Giỏi	84	Tốt	
69	B1606184	Lâm Thị Bé Thơ	03/11/1997	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,28	Giỏi	82	Tốt	
70	B1606165	Huỳnh Thị Nga	04/01/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,27	Giỏi	91	Xuất sắc	
71	B1606305	Trần Thị Trâm Anh	31/05/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,27	Giỏi	80	Tốt	
72	B1606198	Nguyễn Thị Thúy An	01/10/1997	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,26	Giỏi	87	Tốt	
73	B1606289	Nguyễn Thị Mỹ Tho	16/03/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,25	Giỏi	91	Xuất sắc	
74	B1606173	Phạm Ngọc Nhị	28/07/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,23	Giỏi	89	Tốt	
75	B1606175	Nguyễn Thị Huỳnh Như	19/04/1998	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,23	Giỏi	82	Tốt	
76	B1606177	Trương Tuyết Phụng	09/02/1997	N	Ngôn ngữ Anh		42	3,22	Giỏi	81	Tốt	
77	B1609884	Nguyễn Quang Sang	07/09/1998		Ngôn ngữ Pháp		42	3,75	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Hạ bậc
78	B1609890	Nguyễn Thủy Tiên	10/04/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,73	Xuất sắc	94	Xuất sắc	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
79	B1609899	Nguyễn Châu Hữu Bằng	09/09/1998		Ngôn ngữ Pháp		42	3,69	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
80	B1609905	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/08/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,67	Xuất sắc	84	Tốt	
81	B1609909	Huỳnh Thanh Kiều	17/06/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,63	Xuất sắc	88	Tốt	
82	B1609938	Trần Tường Vy	15/02/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,46	Giỏi	93	Xuất sắc	
83	B1609918	Hà Thanh Thiên Nhi	19/04/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,45	Giỏi	80	Tốt	
84	B1609870	Huỳnh Tân Lực	16/12/1998		Ngôn ngữ Pháp		42	3,44	Giỏi	89	Tốt	
85	B1609926	Huỳnh Thị Phát Tài	02/07/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,42	Giỏi	92	Xuất sắc	
86	B1609908	Cao Ngọc Yến Khoa	01/05/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,42	Giỏi	85	Tốt	
87	B1609882	Mai Nguyệt Quế	03/08/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,42	Giỏi	80	Tốt	
88	B1609891	Nguyễn Thị Kim Tín	12/08/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,38	Giỏi	82	Tốt	
89	B1609934	Phạm Thị Diễm Trinh	22/11/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,36	Giỏi	83	Tốt	
90	B1609904	Lê Thị Hiền Hậu	21/08/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,32	Giỏi	82	Tốt	
91	B1609865	Huỳnh Kim Ngọc Khánh	30/11/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,31	Giỏi	84	Tốt	
92	B1609878	Nguyễn Hồng Nhi	10/06/1998	N	Ngôn ngữ Pháp		42	3,24	Giỏi	81	Tốt	
93	B1608379	Nguyễn Thị Bảo Trang	19/05/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,76	Xuất sắc	83	Tốt	
94	B1608372	Lê Khả Tâm	17/10/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,75	Xuất sắc	83	Tốt	
95	B1608380	Dương Thị Bích Trâm	04/11/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,74	Xuất sắc	82	Tốt	
96	B1608389	Vũ Thị Hoàng Yến	14/03/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,73	Xuất sắc	87	Tốt	
97	B1608376	Phùng Lương Minh Thảo	25/08/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,73	Xuất sắc	84	Tốt	
98	B1608336	Nguyễn Thị Ngọc Dung	28/08/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,7	Xuất sắc	84	Tốt	
99	B1608378	Nguyễn Thị Anh Thư	25/09/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,67	Xuất sắc	97	Xuất sắc	
100	B1608383	Võ Thanh Trúc	07/05/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,67	Xuất sắc	82	Tốt	
101	B1608386	Võ Thị Cẩm Vân	01/02/1996	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,66	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
102	B1608371	Nguyễn Ngọc Sang	10/01/1998		Sư phạm Tiếng Anh		42	3,65	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
103	B1608337	Nguyễn Hồ Thùy Dung	07/07/1997	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,63	Xuất sắc	82	Tốt	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
104	B1608351	Nguyễn Thị Hồng Lê	09/01/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,61	Xuất sắc	83	Tốt	
105	B1608367	Mai Thị Huỳnh Như	29/08/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,59	Giỏi	81	Tốt	
106	B1608373	Lê Thị Kim Thảo	24/02/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,59	Giỏi	81	Tốt	
107	B1608374	Nguyễn Trần Diệu Thảo	18/04/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,58	Giỏi	95	Xuất sắc	
108	B1608357	Nguyễn Hoàng Anh Lộc	16/04/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,57	Giỏi	86	Tốt	
109	B1608368	Tăng Quốc Phú	19/01/1998		Sư phạm Tiếng Anh		42	3,57	Giỏi	84	Tốt	
110	B1608353	Nguyễn Phạm Duy Linh	27/10/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,57	Giỏi	81	Tốt	
111	B1608365	Trần Minh Nhật	13/12/1998		Sư phạm Tiếng Anh		42	3,55	Giỏi	95	Xuất sắc	
112	B1608340	Nguyễn Anh Dũng	01/10/1998		Sư phạm Tiếng Anh		42	3,55	Giỏi	82	Tốt	
113	B1608370	Phạm Thị Thu Phương	10/01/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,51	Giỏi	93	Xuất sắc	
114	B1608333	Lê Thị Tuyết Băng	21/05/1997	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,5	Giỏi	85	Tốt	
115	B1608361	Lê Thị Hồng Châu Ngân	18/08/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,48	Giỏi	86	Tốt	
116	B1608385	Nguyễn Thanh Uyên	15/06/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,47	Giỏi	80	Tốt	
117	B1608354	Trương Nguyễn Thùy Linh	15/10/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,44	Giỏi	89	Tốt	
118	B1608332	Nguyễn Ngô Gia Bảo	09/06/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,39	Giỏi	85	Tốt	
119	B1608375	Nguyễn Thị Thu Thảo	03/05/1997	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,35	Giỏi	81	Tốt	
120	B1608342	Nguyễn Thúy Hằng	16/08/1997	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,34	Giỏi	80	Tốt	
121	B1608377	Phạm Hồng Thẩm	01/11/1998	N	Sư phạm Tiếng Anh		42	3,29	Giỏi	82	Tốt	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Ngành	Chuyên ngành	Khóa	Điểm TB	XLHT	Điểm RL	XLRL	Ghi chú
122	B1608415	Cao Thị Tuyết Nhi	16/05/1998	N	Sư phạm Tiếng Pháp		42	3,6	Xuất sắc	86	Tốt	
123	B1608406	Phạm Trần Thiên Lý	12/04/1998	N	Sư phạm Tiếng Pháp		42	3,44	Giỏi	89	Tốt	
124	B1608435	Trương Đức Triều	11/01/1997		Sư phạm Tiếng Pháp		42	3,43	Giỏi	85	Tốt	
125	B1608424	Trần Văn Tài	15/12/1998		Sư phạm Tiếng Pháp		42	3,22	Giỏi	88	Tốt	

Tổng số theo danh sách có **125** sinh viên./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ *vinh*



Trần Trung Tính